TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẮC TÂN UYÊN** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2022/KDTM - ST
Ngày 16/6/2022
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Võ Tiến Lợi.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Quý;

2. Bà Lê Nhật Linh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dung là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên toà: Ông Bùi Xuân Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 06/2021/TLST- KDTM ngày 01 tháng 11 năm 2021 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2022/QĐXXST-KDTM ngày 06/5/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2022/QĐST-KDTM ngày 23/5/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Tổng Công ty A; địa chỉ: Số A, đường H, phường B, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Phước Đ; chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền:

Ông Lê Hồng K; Chức vụ: Phó Giám đốc Công ty A Bình Dương; Ông Phan Châu N chức vụ: Phó Giám đốc phụ trách A Bắc Tân Uyên, trực thuộc Công ty A Bình Dương – đơn vị hoạch toán kinh tế phụ thuộc của Tổng Công ty A (Văn bản ủy quyền ngày 14/6/2022). Ông Lê Hồng K vắng mặt, ông Phan Châu N. Có mặt.

Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất Thương mại B; địa chỉ: Ấp M, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Văn H, sinh năm 1964; địa chỉ: Ấp M, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 01/7/2015 và quá trình tố tụng, nguyên đơn là Tổng Công ty A do ông Phan Châu N đại diện trình bày:

Ngày 20/01/2011, Tổng Công ty A thông qua A Tân Uyên (nay là A Bắc Tân Uyên) và Công ty TNHH Sản xuất Thương mại B (sau đây gọi tắt là Công ty B) ký kết Hợp đồng mua bán điện số 11/000004 cùng các Phụ lục hợp đồng kèm theo. Tại Điều 10 của Hợp đồng hai bên đã thỏa thuận: "Trường hợp hệ thống đo đếm điện ghi nhận không đầy đủ lượng điện năng thực tế mà Bên mua điện đã sử dụng và Bên bán điện đã cung cấp cho Bên mua điện các căn cứ chứng minh thì Bên mua điện phải trả thêm số tiền đã tính thiếu cho Bên bán điện".

Ngày 10/6/2013, Tổng Công ty A phát hiện các thiết bị máy biến dòng đo lường (gọi tắt là TI) trong hệ thống đo đếm điện năng lắp đặt tại Công ty B có dấu hiệu sai sót, chỉ đo đếm được 50% sản lượng điện tiêu thụ. Vì vậy, Tổng Công ty A đã thu hồi các thiết bị TI đưa đến Phân xưởng Cơ điện thuộc Công ty A Bình Dương để kiểm định.

Ngày 17/6/2013, Phân xưởng Cơ điện đã tiến hành kiểm định hệ thống đo đếm điện năng tiêu thụ mà A Bắc Tân Uyên thu hồi vào ngày 10/6/2013. Kết quả kiểm định xác định các máy biến dòng TI nêu trên có tỷ số biến 75-150/5 (A) ghi trên nhãn mác TI là sai, thực tế tỷ số biến là 150 – 300/5 (A) của TI là đúng và đạt yêu cầu. Như vậy, 03 TI đã lắp đặt vào hệ thống đo điện năng vào ngày 27/8/2011 tại Công ty B chỉ đo đếm được 50% sản lượng điện năng tiêu thụ từ ngày 27/8/2011 đến ngày 10/6/2013, sản lượng điện năng bị thất thoát 50% trên tổng số lượng điện năng tiêu thụ. Sự thất thoát sản lượng điện nêu trên là do sai số trong thiết bị TI. A Bắc Tân Uyên sau khi lắp đặt các máy biến dòng TI, có kiểm tra định kỳ 6 tháng/01 lần nhưng không phát hiện ra thiết bị lắp đặt không đảm bảo.

Tổng Công ty A thông qua A Bắc Tân Uyên đã cung cấp đầy đủ căn cứ chứng minh sản lượng điện thất thoát, chưa được ghi nhận đầy đủ tại Công ty B. A Bắc Tân Uyên đã nhiều lần yêu cầu Công ty B thanh toán số tiền điện đã thất thoát là 5.149.407.120 đồng nhưng Công ty B không thực hiện.

Tổng Công ty A yêu cầu Sở Công thương tỉnh Bình Dương tổ chức hòa giải hai lần, lần cuối là ngày 05/8/2014 nhưng kết quả hòa giải không thành nên Tổng Công ty A đã khởi kiện ra Tòa án, yêu cầu:

Công ty B thực hiện đúng thỏa thuận tại Điều 10.3 của Hợp đồng mua bán điện đã ký kết.

Công ty B thanh toán cho Tổng Công ty A số tiền điện năng tiêu thụ mà hệ thống đo đếm TI không đo đếm được là 5.145.100 kwh, thành tiền là 5.149.407.102 đồng, không yêu cầu Công ty B trả lãi.

- Bị đơn Công ty TNHH SX-TM B do ông Ngô Văn H đại diện trình bày:

Công ty B là bên mua điện của Tổng Công ty A thông qua A Bắc Tân Uyên. Việc mua bán điện là hoàn toàn công khai, minh bạch, có biên bản nghiệm thu công trình lắp đặt hệ thống đo đếm điện, thực hiện hợp đồng nghiêm túc, thanh toán đầy đủ và đúng hạn toàn bộ lượng điện năng tiêu thụ. Hiện nay, Tổng Công ty A đòi truy thu sản lượng điện 5.145.100kwh là do có sự nhầm lẫn. Toàn bộ các thiết bị đo đếm điện năng là do A Bắc Tân Uyên lắp đặt, Công ty B không tác động vào hệ thống này. Sau khi lắp đặt xong, bên bán điện tiến hành kiểm tra rất kỹ các tính năng kỹ thuật và hoạt động của các thiết bị đo đếm và có kết luận hoạt động tốt, đạt tiêu chuẩn. Ngày 14/5/2013, tại Công ty B bị mất điện và báo cho A Bắc Tân Uyên, nhân viên điện lực xuống hiện trường thay thế các thiết bị đo đếm điện. Sau đó, đòi truy thu tiền điện như

nêu trên. Công ty B không hề có lỗi trong việc sai sót điện năng nên không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Việc A Bắc Tân Uyên kiểm định các TI bị thu hồi tại Phân xưởng Cơ điện thuộc Công ty A Bình Dương thì Công ty B không được mời tham gia nên không biết có chính xác hay không. Sau đó một thời gian, A Bắc Tân Uyên lưu giữ, bảo quản TI này từ năm 2013 đến cuối năm 2015 và đưa giám định tại Phân viện Khoa học Hình sự - Bộ Công an.

Các mẫu vật giám định qua quá trình lưu giữ mà không có sự giám sát của Công ty B trong một thời gian dài thì kết quả giám định không còn ý nghĩa để giải quyết vụ án.

Thời gian xảy ra sai sót là ngày 10/6/2013, đến ngày khởi kiện là 01/7/2015 đã qua 02 năm, nên hết thời hiệu khởi kiện; các biên bản làm việc giữa A Bắc Tân Uyên và Công ty B mặc dù ông Hà có ký tên và đồng dấu của Công ty nhưng Công ty không thừa nhận có sự sai sót và không đồng ý trả tiền điện như nguyên đơn nêu. Việc ông Hà ký tên, đóng dấu là do áp lực từ sự kinh doanh độc quyền của ngành điện.

Các bảng phân tích điện của A Bắc Tân Uyên không thể hiện sự tăng lên 50% sản lượng điện kể từ khi thay thế các TI vào ngày 10/6/2013 như phía nguyên đơn trình bày. Mặt khác, việc sử dụng điện nấu thép là không ổn định theo từng tháng, phụ thuộc vào kế hoạch kinh doanh của Công ty trong từng giai đoạn. Vì vậy, các bảng phân tích sản lượng điện của A Bắc Tân Uyên không có giá trị chứng minh cho các sai sót của các TI là chỉ đo đếm được 50% sản lượng điện.

Vì vậy, Công ty B không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa. Tuy nhiên, bị đơn Công ty B vắng mặt không có lý do theo giấy triệu tập và thông báo của Tòa án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phát biểu: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đầy đủ đúng quy định của pháp luật, các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Việc nguyên đơn Tổng Công ty A khởi kiện Công ty B phải trả số tiền điện còn thiếu là có căn cứ. Tuy nhiên, trong trường hợp này, A Bắc Tân Uyên cũng có một phần lỗi trong việc lắp đặt các máy biến dòng TI không đúng, có kiểm tra định kỳ 6 tháng/01 lần nhưng không phát hiện ra thiết bị lắp đặt không đảm bảo, nên cần buộc Tổng Công ty A phải chịu một phần thiệt hại với doanh nghiệp Công ty B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Tổng Công ty A yêu cầu bị đơn Công ty B thanh toán số tiền điện sử dụng còn thiếu, Công ty B có trụ sở tại Ấp M, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương, Hội đồng xét xử xác định là quan hệ pháp luật kinh doanh thương mại "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa", thuộc thẩm quyền giải

quyết của Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên theo quy định tại các Điều 30, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn Công ty B được Tòa án đã triệu tập, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa. Tuy nhiên, bị đơn Công ty B vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án: Ngày 20/01/2011, Tổng Công ty A thông qua A Bắc Tân Uyên và Công ty B ký kết hợp đồng mua bán điện số 11/000004 cùng các phục lục hợp đồng kèm theo. Trước khi ký kết Hợp đồng, ngày 04/01/2011 A Bắc Tân Uyên đã lắp đặt hệ thống đo đếm điện năng bao gồm: Công tơ, máy biến áp TU, máy biến dòng TI cho Công ty B, hai bên đã lập biên bản nghiệm thu công trình đo đếm điện. Ngày 20/01/2011, hai bên ký Hợp đồng mua bán điện và cùng ngày A Bắc Tân Uyên cấp điện cho Công ty B.

[3] Quá trình sử dụng điện, ngày 27/8/2011, Công ty B đưa vào vận hành thêm 02 lò nấu thép, nên A Bắc Tân Uyên lắp đặt mới 03 máy biến dòng TI có số hiệu 11004616-3, 11004616-2 và 11004616-1; 03 máy biến áp TU có số hiệu 409, 4102 và 4128; 01 Công tơ hiệu Elster số chế tạo 10081443. Hai bên đã ký Biên bản treo (tháo) công tơ gián tiếp ngày 27/8/2011. Theo Biên bản kiểm tra hệ thống đo đếm gián tiếp ngày 29/8/2011 xác định là có sơ đồ đấu dây đúng, chì niêm yết đủ, nguyên vẹn; kiểm tra khi có tải, hệ thống đo đếm vận hành bình thường. Sau đó là kiểm tra định kỳ 6 tháng/01 lần cho đến ngày 06/6//2013 vẫn không phát hiện sai sót trong hệ thống đo đếm điện năng tiêu thụ tại Công ty B.

[4] Ngày 14/5/2013, xảy ra sự cố 01 máy biến dòng TI số hiệu 11004616-3 bị cháy, ngày 22/5/2013 A Bắc Tân Uyên thay bằng 01 TI khác. Do nghi ngờ 02 TI số hiệu 11004616-2 và 11004616-1 còn lại có sự sai sót, nên ngày 10/6/2013 A Bắc Tân Uyên thu hồi để kiểm định và thay bằng 02 TI khác.

[5] Tại các biên bản làm việc giữa A Bắc Tân Uyên và Công ty B ngày 24/6/2013, ngày 05/7/2013 và ngày 27/11/22013, Công ty B đều thừa nhận việc tính thiếu 5.145.100kwh điện và số tiền điện còn thiếu là 5.149.407.120 đồng. Công ty B chỉ đề nghị tính toán thời gian và số lần trả tiền cho hợp lý. Do đó, hiện nay Tổng Công ty A yêu cầu Công ty B phải trả số tiền điện Công ty B tiêu thụ còn thiếu là có căn cứ chấp nhận. Tuy nhiên, xét trong vụ việc này thì Điền lực Bắc Tân Uyên sau khi lắp đặt các máy biến dòng TI, có kiểm tra định kỳ 6 tháng/01 lần nhưng không phát hiện ra thiết bị lắp đặt không đảm bảo, có sự sai số kỹ thuật trong các TI dẫn đến việc đo đếm lượng điện tiêu thụ không chính xác là lỗi khách quan. Tuy nhiên, thực tế thiệt hại đã xảy ra, nên cần buộc Tổng Công ty A chia sẻ một phần thiệt hại với doanh nghiệp Công ty B tương ứng với 5% sản lượng điện Công ty B đã tiêu thụ là 257.255kwh trên tổng lượng điện Công ty B đã tiêu thụ 5.145.100 kwh tứng với số tiền điện là 257.470.356đồng. Như vậy, có cơ sở chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Tổng Công ty A buộc Công ty B phải trả số điện năng tiêu thụ chưa thanh toán là 4.887.845kwh tương ứng với số tiền là 4.891.936.764 đồng.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Đối với chi phí giám định, Công ty B phải chịu theo quy định của pháp luật.

[8] Về án phí: Các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 161, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 264 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 50 Luật thương mại năm 2005;

- Căn cứ Pháp lệnh số 10/2009/PL/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XII quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Tổng Công ty A đối với bị đơn Công ty TNHH SX – TM B về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa".

1.1. Buộc Công ty TNHH SX – TM B phải thanh toán cho Tổng Công ty A số tiền tiêu thụ điện còn thiếu từ ngày 27/8/2011 đến ngày 10/6/2013 là 4.887.845kwh, tương ứng với số tiền là 4.891.936.764 đồng (Bốn tỷ tám trăm chín mươi mốt triệu chín trăm ba mươi sáu ngàn bảy trăm sáu mươi bốn đồng).

1.2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Tổng Công ty A đối với Công ty TNHH SX – TM B tương ứng với 5% trên tổng sản lượng điện Công ty TNHH SX – TM B đã tiêu thụ là 257.255kwh, tương ứng với số tiền là 257.470.356 đồng (hai trăm năm mươi bảy triệu bốn trăm bảy mươi ngàn ba trăm năm mươi sáu đồng).

3. Về chi phí giám định: Công ty TNHH SX – TM B phải chịu 23.290.000 đồng (Hai mươi ba triệu hai trăm chín mươi ngàn đồng). Tổng Công ty A đã nộp tạm ứng, Công ty TNHH SX – TM B phải hoàn trả cho Tổng Công ty A số tiền 23.290.000 đồng (Hai mươi ba triệu hai trăm chín mươi ngàn đồng).

- Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thi hành án.

4. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm sơ thẩm:

+ Công ty TNHH SX – TM B phải chịu 112.891.936 đồng (Một trăm mười hai triệu tám trăm chín mươi mốt ngàn chín trăm ba mươi sáu đồng). Được khấu trừ số tiền 91.200.582 đồng (Chín mươi mốt triệu hai trăm ngàn năm trăm tám mươi hai đồng). Ngày 09/7/2018 Ngân hàng Thương mại Cổ phần C đã thực hiện nộp án phí cho Công ty TNHH SX – TM B theo Bản án số: 20/2016/KDTM-PT ngày 01/9/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương. Công ty TNHH SX – TM B còn phải nộp số tiền án phí là 21.691.354 đồng (Hai mươi mốt triệu sáu trăm chín mươi mốt ngàn ba trăm năm mươi bốn đồng).

+ Tổng Công ty A phải chịu số tiền 12.873.517 đồng. Được khấu trừ số tiền 113.149.407 đồng (Một trăm mười ba triệu một trăm bốn mươi chín ngàn bốn trăm lẽ bảy đồng), Tổng Công ty A đã thực hiện nộp án phí theo Bản án số: 20/2016/KDTM-

PT ngày 01/9/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương và Quyết định giám đốc thẩm số: 11/2020/KDTM-GĐT ngày 16/5/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh. Tổng Công ty A được nhận lại số tiền án phí còn dư là 100.275.890 đồng (Một trăm triệu hai trăm bảy mươi lăm ngàn tám trăm chín mươi đồng).

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bắc Tân Uyên;
- Chi cục THADS huyện Bắc Tân Uyên;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Tiến Lợi